

Bản án số: **135/2017/DS-ST**,
Ngày: 07/6/2017,
*V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự về vay tài sản.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Nam Hải,

- *Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Đặng Thị Nừa,

2. Bà Lê Thị Phước Mãng.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* ông Nguyễn Huy Hùng, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh:* không tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 6 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 276/2016/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2016, về việc «Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản», theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 210/2017/QĐXX-DS ngày 08 tháng 5 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Bùi Thị H, sinh năm Y; địa chỉ: V, Phường L, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Huỳnh Thị N, sinh năm K; địa chỉ: C, Phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt tại phiên tòa).

- *Bị đơn:* bà Nguyễn Thị Thanh T (tên gọi khác: H), sinh năm X; địa chỉ: S, Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện và trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:* Ngày 12/01/2016, bà Nguyễn Thị Thanh T (H) đã làm giấy xác nhận số nợ còn lại đối với bà Bùi Thị H số tiền 50.000.000 đồng. Số tiền này do bà H cho bà vay lãi suất 2%/tháng, tính đến ngày 11/8/2016 lãi là 6.680.000 đồng. Ngoài ra, trước đây bà Tâm có nhờ bà H mua hàng dùm số tiền 430 đô la Mỹ, bà T đưa trước 100 đô la Mỹ, còn nợ lại 330 đô la Mỹ (tương đương 7.392.990 đồng – tỷ giá ngoại tệ giữa đô la Mỹ và đồng Việt Nam tại thời điểm xét xử sơ thẩm). Tổng cộng số nợ

của bà T là 57.392.990 đồng, bà H đã nhiều lần liên hệ yêu cầu bà T thanh toán, nhưng bà T không trả.

Bà H đã gửi thông báo đòi nợ cho bà T, hết thời gian bà H yêu cầu thanh toán nhưng bà T không trả lời, nên bà H khởi kiện đến Tòa án yêu cầu cá nhân bà T có nghĩa vụ thanh toán số tiền tổng cộng vốn là 57.392.990 đồng và lãi suất của số tiền vay 50.000.000 đồng theo quy định của pháp luật, làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

* *Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T:* Tòa án đã thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng để bà Tâm tham gia phiên tòa, nhưng bà Tâm vắng mặt không lý do nên Tòa án quyết định xét xử vụ án theo thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên, yêu cầu cá nhân bà Nguyễn Thị Thanh T thanh toán số nợ vốn 57.392.990 đồng và lãi suất của số tiền vay 50.000.000 đồng theo quy định của pháp luật, làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, không có yêu cầu phản tố;

Tòa án đã tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 07/3/2017 và ngày 31/3/2017, nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T vắng mặt không lý do, nên Tòa án đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được.

Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, không tham gia phiên tòa, theo nội dung văn bản số 66/CV-VKS ngày 04 tháng 4 năm 2017.

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Hình thức, nội dung đơn khởi kiện của bà Bùi Thị H thực hiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản là tiền đồng Việt Nam, được phép giao dịch trên thị trường, là loại việc tranh chấp hợp đồng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tính tự nguyện giao kết giữa các chủ thể của hợp đồng, theo các đương sự xác nhận thì khi giao kết thực hiện hợp đồng này là hoàn toàn tự nguyện, không bị đe dọa, ép buộc khi giao kết hợp đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt tại tất cả các phiên hòa giải, xét xử của Tòa án. Hội đồng xét xử xét, việc bà T không có yêu cầu phản tố, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử vắng mặt bà T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, các đương sự cam kết không bổ sung chứng cứ gì khác ngoài các chứng cứ đã giao nộp cho Tòa án.

Hội đồng xét xử xét yêu cầu của các bên đương sự: sau khi nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng về khởi kiện vụ án dân sự, Tòa án đã có Thông báo thụ lý vụ án dân sự số 1276/TB-TLVA ngày 18/10/2016, có nội dung thông báo cho bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T, biết là nguyên đơn Bùi Thị H khởi kiện yêu cầu bà T có nghĩa vụ thanh toán số nợ vay số tiền tổng cộng là 63.940.000 đồng (thời điểm Tòa án thụ lý vụ án). Thông báo này đã được Tòa án giao cho Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 ngày 19/10/2016, giao Văn phòng thừa phát lại Quận 8 tổng đạt trực tiếp cho bà T – có ông Nguyễn Văn N, là cha ruột của bà T, ký nhận vào ngày 08/12/2016; như vậy, thủ tục tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án dân sự đã được Tòa án thông báo hợp lệ cho bên bị đơn.

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, tính từ ngày thụ lý vụ án 14/10/2016 đến ngày Tòa án tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất vào ngày 07/3/2017, Tòa án đã có nhiều văn bản tố tụng triệu tập trực tiếp và thông qua Văn phòng thừa phát lại tổng đạt cho bị đơn bà T đến Tòa án làm việc, tham gia phiên tòa, nhưng bà T đều vắng mặt không lý do; như vậy Hội đồng xét xử đủ căn cứ xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, bị đơn không có yêu cầu phản tố, theo quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử xét, theo tài liệu chứng cứ của bên nguyên đơn nộp Tòa án là giấy vay nợ xác nhận sang sổ ngày 12/01/2016, do bà Nguyễn Thị Thanh T ký tên và thông báo đòi nợ ngày 30/5/2016, thể hiện số tiền bà T vay của bà H ngày là 50.000.000 đồng và 300 USD (tương đương 7.392.990 đồng), tổng cộng hai khoản là 57.392.990 đồng, sau khi Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T không có ý kiến gì khác, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về lãi suất cho vay: nguyên đơn yêu cầu tính lãi vay theo quy định của pháp luật, theo quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự. Cụ thể, căn cứ theo quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước, quy định lãi suất cơ bản là 9%/năm, tương ứng 0,75%/tháng (lãi suất được chấp nhận $0,75\% \times 150\% = 0,84\%$ /tháng), như vậy lãi suất vay được chấp nhận (từ ngày 12/01/2016 đến ngày Tòa án xét xử ngày 07/6/2017) là: $50.000.000 \text{ đồng} \times 0,84\%/\text{tháng} = 9.394.000 \text{ đồng}$, tổng cộng vốn, lãi là: 59.394.000 đồng.

Ngoài ra, bà T còn nợ số tiền 330 đô la Mỹ, theo tỷ giá ngoại tệ tại Thông báo số 181/TB-NHNN ngày 06/6/2017 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là 01 đô la Mỹ tương đương 22.403 đồng, số tiền 330 đô la Mỹ quy đổi tiền đồng Việt Nam tại thời điểm Tòa án xét xử là $330 \text{ USD} \times 22.403 \text{ đồng} = 7.392.990 \text{ đồng}$, bà H không yêu cầu tính lãi trên số tiền này; khi nhận thông báo thụ lý vụ án, bà T không thắc mắc hay khiếu nại gì nên bà T có nghĩa vụ hoàn trả số tiền này cho bà H.

Tổng cộng hai khoản (số tiền vay và số tiền hàng còn lại) bà T có nghĩa vụ thanh toán cho bà H là: $59.394.000 \text{ đồng} + 7.392.990 \text{ đồng} = 66.786.990 \text{ đồng}$.

Về yêu cầu của bà Bùi Thị H, Hội đồng xét xử xét, bà Bùi Thị H chỉ yêu cầu cá nhân bà T phải có nghĩa vụ thanh toán nợ, vì khi bà T vay tiền thì bà H trực tiếp giao tiền cho bà T, không có chồng bà T, hay mẹ ruột bà T là bà Nguyễn Thị H (Tuyệt) ký giấy xác nhận nợ, nên Tòa án không xác định chồng bà T, hay mẹ ruột bà T là bà Nguyễn Thị

H (Tuyệt), tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các chứng cứ, phân tích đánh giá toàn bộ nội dung vụ án tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có thực tế cho vay và vay theo giấy xác nhận vay nợ ngày 12/01/2016 do bà Nguyễn Thị Thanh T ký tên; giấy vay nợ này không ghi thời hạn thanh toán, có ghi lãi suất vay, như vậy, đây là dạng hợp đồng vay không kỳ hạn, có lãi suất vay; trước khi khởi kiện nguyên đơn đã có thông báo đòi nợ, bị đơn bà T không có ý kiến gì khác, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà T thanh toán cho nguyên đơn bà H tổng cộng số tiền 66.786.990 đồng. Việc bị đơn là người vi phạm thỏa thuận hợp đồng, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, cụ thể là không thanh toán tiền nợ khi nguyên đơn có thông báo đòi nợ; do vậy, nguyên đơn có yêu cầu đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền 66.786.990 đồng, yêu cầu nguyên đơn thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền trên, nếu bị đơn chậm thanh toán thì bị đơn còn phải trả lãi cho nguyên đơn đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm (Mười phần trăm/một năm) trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác, theo quy định tại các Điều 466, 468 của Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13.

Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự là 3.339.350 đồng; bà Bùi Thị H không phải chịu án phí dân sự, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp là 1.598.500 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 72, Điều 73, khoản 1 Điều 91, Điều 93, khoản 1 và khoản 4 Điều 95, khoản 1 Điều 96, Điều 189, Điều 195, Điều 196, Điều 199, khoản 1 Điều 207, Điều 208, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 121, Điều 122, Điều 124, Điều 290, Điều 471, Điều 474, khoản 1 Điều 476, khoản 2 Điều 477 Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11; đoạn 2 điểm a và điểm b khoản 1 Điều 688, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13; Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước, quy định lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam; Thông báo số 181/TB-NHNN ngày 06/6/2017 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về tỷ giá ngoại tệ; tiêu mục 2.b Mục I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về lệ phí, án phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị H, đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T (Huyền), về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Bùi Thị H, tổng cộng số tiền là 66.786.990 đồng, theo nội dung giấy xác nhận vay nợ ngày 12/01/2016, được giao kết giữa bà Bùi Thị H và bà Nguyễn Thị Thanh T.

Cách thức thanh toán: bà Nguyễn Thị Thanh T có nghĩa vụ phải thanh toán tổng cộng số tiền 66.786.990 đồng nêu trên, cho bà Bùi Thị H, làm một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Bùi Thị Hùng có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị Thanh T chậm thanh toán khoản tiền 66.786.990 đồng nêu trên, thì hàng tháng bà Nguyễn Thị Thanh T còn phải trả lãi cho bà Bùi Thị H đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm (Mười phần trăm/một năm) trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác,

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự là 3.339.500 đồng; bà T nộp số tiền án phí 3.339.500 đồng, nêu trên, tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.2. Bà Bùi Thị H không phải chịu án phí dân sự, bà Bùi Thị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp là 1.598.500 đồng (Một triệu năm trăm chín mươi tám ngàn năm trăm đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AD/2014/0003791, ngày 07 tháng 10 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các bên đương sự thi hành bản án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyền kháng cáo: Bà Bùi Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị Thanh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 và 26 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

Lê Nam Hải